

## BAZƠ

### I. Khái niệm, công thức, tên gọi

- ❖ **Khái niệm:** Hợp chất do nguyên tố                      liên kết với nhóm hiđroxi
- ❖ **Công thức chung:**
- ❖ **Tên gọi:** Tên kim loại + (                      ) +  
 $\text{Al(OH)}_3$  :  
 $\text{Fe(OH)}_2$  :

**Chú ý:**  $\text{Al(OH)}_3$ ,  $\text{Cr(OH)}_3$ ,  $\text{Zn(OH)}_2$ ,  $\text{Sn(OH)}_2$ ,  $\text{Pb(OH)}_2$ ,  $\text{Be(OH)}_2$ : hidroxit lưỡng tính

### II. Phân loại

- ❖ **Bazơ mạnh:**                      ,                      ,                      ,                      .....  
 (viết theo thứ tự dãy HĐHH)
- ❖ **Bazơ yếu:** còn lại

### III. Tính chất vật lý

- ❖ **Tính tan**  
 Bazơ tan:                      ,                      ,                      ,                      .....  
 Bazơ không tan: còn lại
- ❖ **Màu sắc**  
 $\text{NaOH}$ ,  $\text{KOH}$ ,  $\text{Ca(OH)}_2$ ,  $\text{Ba(OH)}_2$  :  
 $\text{Mg(OH)}_2$  :                       $\text{Fe(OH)}_2$  :  
 $\text{Cu(OH)}_2$  :                       $\text{Fe(OH)}_3$  :

### IV. Tính chất hóa học

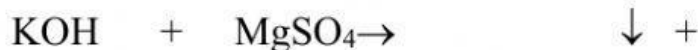
#### 1. Bazơ tan (kiềm)

##### 1.1. Dung dịch kiềm làm thay đổi màu chất chỉ thị

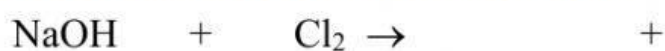
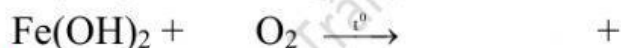
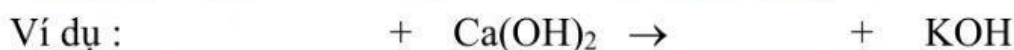
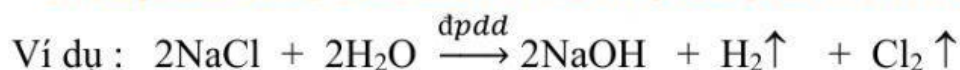
- Quì tím →
- Dung dịch phenolphthalein không màu →

##### 1.2. Tác dụng với axit, hidroxit lưỡng tính tạo                      +



**1.3. Tác dụng với oxit axit, oxit lưỡng tính tạo** + ( )**1.4. Tác dụng với tạo bazơ mới** +

Điều kiện:

**1.5. Tác dụng với một số kim loại và phi kim****2. Bazơ không tan****2.1. Tác dụng với axit****2.2. Nhiệt phân****V. Điều chế****1. Điều chế bazơ tan****▪ Kim loại/oxit bazơ +****▪ Muối + dd → + bazơ mới****▪ Điện phân dung dịch muối ( thường dùng muối clorua, bromua ... )****2. Điều chế bazơ không tan****\* Muối + dd bazơ → muối mới + bazơ mới**